

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Văn bản số 306/UBND-GTCN&XD ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh về việc chủ trương thành lập Bệnh viện đa khoa Quốc tế Hà Nội – Quảng Ninh tại thành phố Uông Bí;

Căn cứ Văn bản số 851/KCB-QLHN ngày 24/05/2024 của Cục Quản lý khám chữa bệnh – Bộ Y tế về việc thành lập Bệnh viện đa khoa Quốc tế Hà Nội – Quảng Ninh;

Căn cứ các Quyết định của UBND thành phố Uông Bí: Số 7405/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 về việc phê duyệt Điều chỉnh (lần 1) Quy hoạch mặt bằng sử dụng đất tỷ lệ 1/500 Dãy nhà ở nhà phố thương mại tại khu 8, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí; số 4366/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất tỷ lệ 1/500 dãy nhà ở phố thương mại tại khu 8, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí; số 4055/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ (lần 2) Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất tỷ lệ 1/500 dãy nhà ở phố thương mại tại khu 8, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Y tế Việt Thuận tại Văn bản số 2810/YTVT ngày 28/10/2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 362/TTr-TNMT ngày 19/11/2024 và ý kiến thống nhất của các thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Y tế Việt Thuận, địa chỉ tại số 414, tổ 30, khu 8, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư Bệnh viện đa khoa Quốc tế Hà Nội - Quảng Ninh tại phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Bệnh viện đa khoa Quốc tế Hà Nội – Quảng Ninh.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 414, tổ 30, khu 8, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 5702107169 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh đăng ký lần đầu ngày 27/12/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 09/02/2022.

1.4. Mã số thuế: 5702107169.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Bệnh viện đa khoa thuộc khối tư nhân đầu tư.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

1.6.1. Phạm vi của dự án:

- Vị trí thực hiện dự án tại ô đất số 8 + 9 (gộp thửa) nằm trong Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất tỷ lệ 1/500 dãy nhà ở phố thương mại tại khu 8, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí (đã được UBND thành phố Uông Bí phê duyệt tại Quyết định số 7405/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 và số 4055/QĐ-UBND ngày 31/7/2024).

1.6.2. Quy mô, công suất dự án:

- Diện tích đất sử dụng khoảng 900 m².

- Công suất thiết kế khoảng 120 giường bệnh nội trú.

(Chi tiết thể hiện tại Quyết định phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất 1/500 của UBND thành phố Uông Bí và Đề án thành lập Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hà Nội – Quảng Ninh đã được chấp thuận về chủ trương của UBND tỉnh và Cục Quản lý Khám, chữa bệnh – Bộ Y tế theo thẩm quyền).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra ngoài môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Y tế Việt Thuận:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Y tế Việt Thuận có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, bụi, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Y tế, UBND thành phố Uông Bí nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày 29./11./2024 đến ngày 29./11./2034), nhưng không vượt thời hạn hoạt động của dự án theo quy định của pháp luật.

Giấy phép này chỉ thực hiện cấp cho phép đơn vị được xả các chất thải (như: nước thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung...) trong quá trình triển khai thi công và hoạt động của dự án đã được xử lý đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành ra ngoài môi trường; không xác nhận, điều chỉnh, thay đổi các nội dung trong Quy hoạch chi tiết dự án và chủ trương thành lập bệnh viện đã được cơ quan có liên quan phê duyệt, chấp thuận theo thẩm quyền.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND thành phố Uông Bí tổ chức kiểm tra việc thực

hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh về tính hợp lý, hợp pháp, chính xác của các thông tin, số liệu và các nội dung bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường được duyệt.

- UBND thành phố Ông Bí chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh trong việc phê duyệt quy hoạch, giám sát quá trình thi công, hoạt động dự án đảm bảo quy định hiện hành; thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND thành phố Ông Bí; Giám đốc Công ty TNHH Y tế Việt Thuận và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
 - Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
 - CT, các PCT UBND tỉnh (b/c);
 - Các sở: KH-CN, XD, Y tế;
 - Trung tâm PV HCC tỉnh;
 - Công TTĐT Sở TN&MT (đăng tải);
 - V0, V1-3, MT;
 - Lưu: VT, MT;
- 10 bản, M-QĐ 246

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nghiêm Xuân Cường

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3461/GPMT-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh)



A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải.

- Nguồn số 01: Nước thải xí tiêu phát sinh từ các nhà vệ sinh từ tầng 1 đến tầng tum của dự án.

- Nguồn số 02: Nước thải bồn rửa, thoát sàn phát sinh từ các nhà vệ sinh từ tầng 1 đến tầng tum của dự án.

- Nguồn số 03: Nước thải nhà bếp phát sinh từ khu phòng ăn bố trí tại tầng 7 của dự án.

- Nguồn số 04: Nước thải giặt là phát sinh từ khu giặt là bố trí tại tầng tum của dự án.

- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ hệ thống lọc nước RO.

- Nguồn số 06: Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động khám, chữa bệnh, xét nghiệm từ các khoa, phòng chuyên môn (bao gồm: Khoa khám bệnh; khoa cận lâm sàng; khoa hồi sức cấp cứu; liên chuyên khoa tai – mũi – họng, răng – hàm – mặt, mắt; khoa ngoại – sản và gây mê hồi sức; khoa nội – nhi; khoa phục hồi chức năng và y học cổ truyền; khoa hiếm muộn hỗ trợ sinh sản).

- Nguồn số 07: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh dụng cụ, thiết bị lưu chứa và các kho lưu chứa chất thải của dự án (không phát sinh thường xuyên).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực tại đường Quang Trung, thuộc địa giới hành chính phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

2.2. Vị trí xả nước thải.

- Vị trí xả nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực tại đường Quang Trung, thuộc địa giới hành chính phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 2307074; Y: 398229 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 107⁰45' múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 60m³/ngày.đêm, tương đương 2,5 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải.

- Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m³/ngày.đêm được bơm cưỡng bức về hồ ga thu nước thải sau xử lý của dự án sau đó tự chảy theo đường ống uPVC D110 ra hệ thống thoát nước chung của khu vực tại đường Quang Trung, thuộc phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức, xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả thải liên tục (24 giờ/ngày).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường và đáp ứng QCVN 28:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (Cột B, K= 1,2), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28:2010/ BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 – 8,5	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60		
3	COD	mg/l	120		
4	TSS	mg/l	120		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
10	Tổng coliforms	MPN/ 100ml	5.000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		

Ghi chú: Khuyến khích thực hiện quan trắc nước thải để tự theo dõi, giám sát hệ thống xử lý nước thải.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyển báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI.

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải.

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường.

- Nguồn số 01: Nước thải xí tiểu phát sinh từ các nhà vệ sinh từ tầng 1 đến tầng tum của dự án → bể tự hoại ba ngăn → hệ thống xử lý nước thải công suất $60\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ → hố ga thu nước thải sau xử lý của dự án → hệ thống thoát nước chung của khu vực tại đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí.

- Nguồn số 02: Nước thải bồn rửa, thoát sàn phát sinh từ các nhà vệ sinh từ tầng 1 đến tầng tum của dự án → hệ thống xử lý nước thải công suất $60\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ → hố ga thu nước thải sau xử lý của dự án → hệ thống thoát nước chung của khu vực tại đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí.

- Nguồn số 03: Nước thải nhà bếp phát sinh từ khu phòng ăn bố trí tại tầng 7 của dự án → bể tách dầu mỡ → hệ thống xử lý nước thải công suất $60\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ → hố ga thu nước thải sau xử lý của dự án → hệ thống thoát nước chung của khu vực tại đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí.

- Nguồn số 04: Nước thải giặt là phát sinh từ khu giặt là bố trí tại tầng tum của dự án → bể tiền xử lý → hệ thống xử lý nước thải công suất $60\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ → hố ga thu nước thải sau xử lý của dự án → hệ thống thoát nước chung của khu vực tại đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí.

- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ hệ thống lọc nước RO → hệ thống xử lý nước thải công suất $60\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ → hố ga thu nước thải sau xử lý của dự án → hệ thống thoát nước chung của khu vực tại đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí.

- Nguồn số 06: Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động khám, chữa bệnh, xét nghiệm từ các khoa, phòng chuyên môn → bể trung hòa → hệ thống xử lý nước thải công suất $60\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ → hố ga thu nước thải sau xử lý của dự án → hệ thống thoát nước chung của khu vực tại đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí.

- Nguồn số 07: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh dụng cụ, thiết bị y tế từ các hoạt động lưu chứa và các kho lưu chứa chất thải của dự án → hệ thống xử lý nước thải công suất $60\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ → hố ga thu nước thải sau xử lý của dự án → hệ thống thoát nước chung của khu vực tại đường Quang Trung,

phường Quang Trung, thành phố Uông Bí.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải.

1.2.1. Bể tự hoại ba ngăn.

- Công suất thiết kế: 01 bể tự hoại ba ngăn bố trí tại khu vực tầng hầm của dự án.

- Công nghệ xử lý: Lắng cặn và lên men kỵ khí.

- Quy trình xử lý: Nước thải xí tiêu → ngăn chứa → ngăn lắng → ngăn lọc → nước thải sau xử lý sơ bộ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm vi sinh, men vi sinh hoặc các hoá chất tương đương nhưng không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này.

- Đối với bùn cặn phát sinh từ bể tự hoại ba ngăn: Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý với tần suất 02 lần/năm hoặc ngay khi có hiện tượng đầy.

1.2.2. Bể tách dầu mỡ.

- Công suất thiết kế: 01 bể tách dầu mỡ bố trí tại khu vực phòng ăn tại tầng 7 của dự án.

- Công nghệ xử lý: Lắng trọng lực.

- Quy trình xử lý: Nước thải nhà bếp → ngăn lắng → ngăn lọc → nước thải sau xử lý sơ bộ.

- Đối với bùn cặn phát sinh từ bể tách dầu mỡ: Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý với tần suất 02 lần/năm hoặc ngay khi có hiện tượng đầy.

1.2.3. Bể tiên xử lý nước thải giặt là.

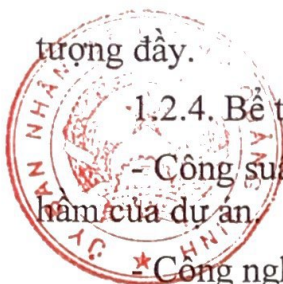
- Công suất thiết kế: 01 bể tiên xử lý nước thải giặt là bố trí tại khu vực tầng hầm của dự án.

- Công nghệ xử lý: Phương pháp trung hoà.

- Quy trình xử lý: Nước thải giặt là → bể trung hoà (bổ sung H_2SO_4 để điều chỉnh pH) → nước thải sau xử lý sơ bộ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch H_2SO_4 hoặc các hoá chất tương đương nhưng không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này.

- Đối với bùn cặn phát sinh từ bể trung hoà: Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý với tần suất 02 lần/năm hoặc ngay khi có hiện



tượng đây.

1.2.4. Bể tiền xử lý nước thải y tế.

- Công suất thiết kế: 01 bể tiền xử lý nước thải y tế bố trí tại khu vực tầng hầm của dự án.

- Công nghệ xử lý: Phương pháp khử trùng.

- Quy trình xử lý: Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động khám, chữa bệnh, xét nghiệm từ các khoa, phòng chuyên môn → ngăn chứa 01 → ngăn chứa 02 → nước sau xử lý sơ bộ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Viên khử khuẩn Presep 25% hoặc các hoá chất tương đương nhưng không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này.

- Bùn cặn phát sinh từ bể tiền xử lý nước thải y tế: Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý với tần suất 02 lần/năm hoặc ngay khi có hiện tượng đầy.

1.2.5. Hệ thống xử lý nước thải công suất 60m³/ngày.đêm.

- Công suất thiết kế: 01 hệ thống xử lý nước thải công suất 60m³/ngày.đêm bố trí tại khu vực tầng hầm của dự án.

- Công nghệ xử lý: Phương pháp AAO - MBR.

- Quy trình xử lý: Nước thải xí tiêu sau xử lý sơ bộ; nước thải bồn rửa, thoát sàn; nước thải giặt là sau xử lý sơ bộ; nước thải nhà bếp sau xử lý sơ bộ; nước thải phát sinh từ hệ thống lọc nước RO; nước thải y tế sau xử lý sơ bộ → bể điều hòa → bể kỵ khí → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lọc màng MBR → bể lắng → bể khử trùng → nguồn tiếp nhận.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Hoá chất NaOCl, chế phẩm vi sinh hoặc các hoá chất tương đương nhưng không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này.

- Đối với bùn cặn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải: Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý với tần suất 02 lần/năm hoặc ngay khi có hiện tượng đầy.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn, chuyển giao công nghệ.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hoặc thay thế máy móc, thiết bị (nếu xuống

cấp) tại trạm xử lý nước thải.

- Đối với sự cố thiết bị (bơm nước thải, máy thổi khí): sử dụng thiết bị dự phòng và đưa thiết bị hỏng hóc đi sửa chữa hoặc thay thế kịp thời.

- Khi sự cố xảy ra, cán bộ vận hành hệ thống xử lý nước thải thực hiện rà soát lại chế độ và quy trình vận hành để điều chỉnh lại cho phù hợp, đảm bảo nước thải sau xử lý đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Khi hệ thống thu gom, xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận và lưu chứa nước thải tại các bể của hệ thống xử lý nước thải hoặc các thiết bị lưu chứa rời; khẩn trương xác định nguyên nhân để khắc phục sự cố; sau khi đã khắc phục xong sự cố, thực hiện điều hướng đưa nước thải gặp sự cố về bể gom nước thải đầu vào để tiếp tục xử lý, vận hành đúng quy trình đảm bảo nước thải sau xử lý đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Định kỳ tiến hành kiểm tra một số thông số của nước thải tại hố ga thu gom nước thải sau xử lý của dự án để theo dõi các hoạt động của hệ thống xử lý nước thải. Nếu có sự cố phát sinh, có biện pháp kịp thời để điều chỉnh hoạt động của hệ thống.

- Tăng cường biện pháp kiểm tra, giám sát hệ thống thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải để tránh tình trạng tắc nghẽn.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 01 tháng (dự kiến từ tháng 5/2025 đến tháng 6/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 60m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải tại hố ga thu gom nước thải sau xử lý của dự án trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.3.3. Phần A Phụ lục này.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

2.3. Tần suất lấy mẫu.

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm của dự án theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

Kế hoạch quan trắc	Các thông số quan trắc	Vị trí quan trắc	Tuần suất	Số lượng mẫu	Quy chuẩn quy chuẩn so sánh
Giai đoạn vận hành ổn định	pH, BOD, COD, TSS, Sunfua, Amoni, Nitrat, Phosphat, dầu mỡ động thực vật, Tổng coliforms, Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae	Nước thải tại hố ga thu nước thải sau xử lý của dự án trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận	01 lần/ngày (03 ngày liên tiếp)	03 mẫu	QCVN 28:2010/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (Cột B, K= 1,2)

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyển báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

3.1. Thu gom và xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường. Thường xuyên nạo vét, kiểm tra hệ thống thu, thoát, xử lý nước thải, đảm bảo không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố. Điểm xả phải thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải, lắp đặt biển báo. Nghiêm cấm mọi hành vi xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn môi trường hiện hành ra môi trường.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm phải thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 5, khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành của dự án

3.5. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác phòng chống và ứng phó với sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải của dự án./.



PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3461/GPMT-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải.

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng bố trí tại khu vực giáp tường rào tiếp giáp khu dân cư hiện trạng phía Bắc dự án.

- Nguồn số 02: Mùi, khí thải phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m³/ngày.đêm bố trí tại khu vực tầng hầm của dự án.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải.

2.1. Vị trí xả khí thải.

- Dòng khí thải số 01 (Nguồn số 01): Tương ứng với ống thoát khí số 01 của máy phát điện dự phòng bố trí tại khu vực giáp tường rào tiếp giáp khu dân cư hiện trạng phía Bắc dự án. Tọa độ X: 2327114.5; Y: 398212.7;

- Dòng khí thải số 02 (Nguồn số 02): Tương ứng với ống thoát khí số 02 của hệ thống xử lý mùi, khí thải phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m³/ngày.đêm bố trí tại khu vực tầng hầm của dự án. Tọa độ X: 2327112.2; Y: 398212.9.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107^o45', múi chiều 3^o)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 10 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 01: Không xác định.

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải tối đa là 10 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn (chỉ xả khi có hoạt động).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường:

- Dòng khí thải số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (nhiên liệu sử dụng là dầu DO), chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hoá.

- Dòng khí thải số 02: Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường và đáp ứng QCVN 5:2020/QN – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ tỉnh Quảng Ninh ($K_p=1$, $K_v=0,8$) và QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ

thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCĐP 5:2020/QN	QCVN 20:2009/BTN MT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	-	-	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	CH ₃ SH	mg/Nm ³	-	15		
3	H ₂ S	mg/Nm ³	6	-		
4	NH ₃	mg/Nm ³	40	-		

Ghi chú: Khuyến khích thực hiện quan trắc khí thải để tự theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý mùi, khí thải.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI.

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải.

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Bụi, khí thải phát sinh từ nguồn số 01 thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí số 01 tích hợp theo máy phát điện dự phòng.

- Mùi, khí thải phát sinh từ nguồn số 02 được thu gom qua hệ thống đường ống dẫn về tháp hấp phụ có công suất 10 m³/giờ để xử lý trước khi thoát ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải.

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ nguồn số 01.

- Quy trình xử lý: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng → ống thoát khí → môi trường.

1.2.2. Hệ thống xử lý mùi, khí thải phát sinh từ nguồn số 02.

- Công suất thiết kế: 01 tháp hấp phụ công suất 10 m³/giờ.

- Công nghệ xử lý: Phương pháp hấp phụ.

- Quy trình xử lý: Mùi, khí thải phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m³/ngày.đêm → tháp hấp phụ (sử dụng vật liệu than hoạt tính) → ống thoát khí → môi trường.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi hệ thống xử lý bụi, khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng bụi, khí thải không đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả bụi, khí thải ra ngoài môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

- Định kỳ kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng, hệ thống xử lý mùi, khí thải phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, theo dõi quá trình hoạt động để đảm bảo máy móc, hệ thống hoạt động ổn định.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý mùi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đáp ứng yêu cầu về chất lượng khí thải quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả mùi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất, vật liệu để đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý mùi, khí thải.

3.4. Khí thải từ các quạt thông gió, các máy điều hòa tại nhà văn phòng, bảo vệ, khu vực khám chữa bệnh do có cùng tính chất, chất lượng không khí tại các khu vực lắp đặt. Do vậy, phải đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

3.4. Bố trí điểm quan trắc mùi, khí thải sau xử lý, sàn thao tác bảo đảm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định./.

PHỤ LỤC 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 29/61/GPMT-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh)



A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Nguồn số 01: Phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng bố trí tại khu vực giáp tường rào tiếp giáp khu dân cư hiện trạng phía Bắc dự án.

- Nguồn số 02: Phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m³/ngày.đêm bố trí tại khu vực tầng hầm của dự án.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Toạ độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung tại một số khu vực (Hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trục 107^o45', múi chiếu 3^o), cụ thể như sau:

TT	Vị trí	Toạ độ	
		X	Y
1	Nguồn số 1	2327117.19	398207.04
2	Nguồn số 2	2327097.05	398215.58

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1 Tiếng ồn.

STT	Từ 6 - 21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường
2	55	45	-	Khu vực đặc biệt

3.2 Độ rung.

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
2	60	55	-	Khu vực đặc biệt

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

- Đối với các thiết bị có phát sinh độ rung phải được kê các đệm chân đế máy để hạn chế độ rung.

- Cân chỉnh và bảo dưỡng các chi tiết truyền động của máy móc, thiết bị của dự án.

- Trồng cây xanh xung quanh dự án để giảm thiểu tiếng ồn phát sinh tới môi trường xung quanh.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh) máy phát điện dự phòng và các máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị, kịp thời thay thế khi thiết bị bị hỏng hóc để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định./.

PHỤ LỤC 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3461/GPMT-UBND ngày 29/11/2024
của UBND tỉnh Quảng Ninh)



A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh.

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại thông thường	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn/lỏng	13 01 01	3.500
2	Dược phẩm gây độc tế bào thải	Rắn/lỏng	13 01 03	5
3	Chất hàn răng amalgam thải	Rắn	13 01 04	5
4	Các bình chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoàn toàn	Rắn	13 03 01	150
5	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)	Rắn	13 03 02	70
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	15
7	Bùn thải phát sinh từ bể tiền xử lý nước thải y tế, hệ thống xử lý nước thải của dự án	Rắn	12 06 05	3.570
Tổng				7.315

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn thông thường phát sinh.

- Chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát phát sinh:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại thông thường	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	100
2	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu	Rắn	18 01 04	200

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại thông thường	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
	khác (như composit)			
3	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	13 01 02	25
Tổng				325

- Chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	1.200
2	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo) thải khác với các loại trên	08 02 08	5
3	Các loại chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm	13 01 05	950
4	Dược phẩm không có thành phần gây độc tế bào thải	18 01 09	150
5	Hoá chất thải khác với các loại trên	13 01 06	50
6	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 06	250
7	Bao bì thủy tinh (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 09	300
8	Bùn thải phát sinh từ bể tự hoại, bể tách dầu mỡ, bể tiền xử lý nước thải giặt là	12 06 13	3.000
Tổng			5.905

1.3 Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Rác thải sinh hoạt	295
Tổng		295

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ, quản lý chất thải y tế lây nhiễm, chất thải nguy hại.

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí bao bì (túi), dụng cụ (thùng, hộp, can) đảm bảo lưu chứa an toàn chất thải, có khả năng chống thấm, chống rò rỉ và có kích thước phù hợp với lượng chất thải lưu chứa. Trên bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa phải có tên loại chất thải lưu chứa và biểu tượng theo quy định tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế. Thực hiện phân loại chất thải lây nhiễm, chất thải nguy hại không lây nhiễm theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 6 Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế, cụ thể như sau:

+ Đối với chất thải lây nhiễm: Chất thải lây nhiễm sắc nhọn bỏ vào trong thùng hoặc hộp kháng thủng và có màu vàng; chất thải lây nhiễm không sắc nhọn bỏ vào trong thùng có lót túi và có màu vàng; chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao bỏ vào trong thùng có lót túi và có màu vàng; chất thải giải phẫu bỏ vào trong 2 lần túi hặc trong thùng có lót túi và có màu vàng; chất thải lây nhiễm dạng lỏng chứa trong túi kín hoặc dụng cụ lưu chứa chất lỏng và có nắp đậy kín.

+ Đối với chất thải nguy hại không lây nhiễm: Chất thải nguy hại không lây nhiễm ở dạng rắn đựng trong các túi hoặc thùng có lót túi và có màu đen; chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng chứa trong dụng cụ lưu chứa chất lỏng có nắp đậy kín khít, được dán mã CTNH, tên loại chất thải lưu chứa.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa.

- Vị trí: Bố trí tại khu vực tầng hầm của dự án.

- Diện tích: Bố trí kho lưu chứa chất thải nguy hại, kho lưu chứa chất thải lây nhiễm có diện tích 5,9 m²/kho.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Kho kín, có mái che, nền đảm bảo không bị ngập lụt, tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, không bị chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có hệ thống thu gom nước thải; Có trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại. Bố trí vòi nước, dụng dịch vệ sinh, khử khuẩn để thường xuyên vệ sinh, khử khuẩn.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định. Đảm bảo đáp ứng thời gian lưu giữ chất thải lây nhiễm theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường.

2.2.1. Thiết bị lưu chứa.

- Bố trí bao bì (túi), dụng cụ (thùng, hộp, can) đảm bảo lưu chứa an toàn chất thải, có khả năng chống thấm, chống rò rỉ và có kích thước phù hợp với lượng chất thải lưu chứa. Trên bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa phải có tên loại chất thải lưu chứa và biểu tượng theo quy định tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế. Thực hiện phân loại chất thải rắn thông thường theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế, cụ thể như sau:

- Chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế: Đựng trong túi hoặc thùng hoặc thùng có lót túi và có màu xanh. Chất thải sắc nhọn đựng trong dụng cụ kháng thủng;

- Chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế (theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế): Đựng trong túi hoặc thùng hoặc thùng có lót túi và có màu trắng.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa.

- Vị trí: Bố trí tại khu vực tầng hầm của dự án.

- Diện tích: 5,9 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Kho kín, có mái che, nền đảm bảo không bị ngập lụt, tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý, tái chế đảm bảo theo quy định.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.1 Thiết bị lưu chứa.

- Bố trí thùng chứa các loại có dung tích từ 20 – 60 lít/thùng bố trí tại các khu vực phát sinh.

2.3.2. Kho/ khu vực lưu chứa:

- Vị trí: Bố trí tại khu vực tầng hầm của dự án.

- Diện tích: 5,9 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Kho kín, có mái che, nền đảm bảo không bị ngập lụt, tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

- Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt phục vụ mục đích tái chế theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom,

vận chuyển đi xử lý, tái chế đảm bảo theo quy định.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

2.4. Thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo quy định tại Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường; Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường; Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế; các quy định của tỉnh Quảng Ninh và các quy định pháp luật khác có liên quan.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.

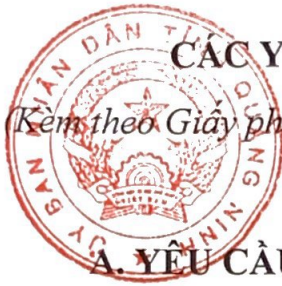
- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hoá chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện dự án./.

PHỤ LỤC 5

**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3461 /GPMT-UBND ngày 29 /11 /2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

- Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc phương án đảm bảo an toàn giao thông đường bộ, bố trí thời gian thi công và vận chuyên nguyên vật liệu, có bạt che phủ kín thùng xe, không chở quá trọng tải quy định không để rơi vãi, ách tắc giao thông trên tuyến đường vận chuyên, không làm ảnh hưởng đến khu dân cư và các công trình lân cận.

- Thực hiện khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh trong quá trình hoạt động của Dự án theo đúng quy định của Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các hướng dẫn khác của các cơ quan có thẩm quyền.

- Quản lý, kiểm soát chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả tái sử dụng. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải y tế và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 20/2021/TT-BYT, các quy định của tỉnh Quảng Ninh và các quy định pháp luật khác có liên quan. Chuyên giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải y tế và chất thải nguy hại cho đơn vị có

chức năng theo quy định (trừ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có ký hiệu TT-R theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật, thu gom và xử lý tất cả các nước thải phát sinh của dự án đảm bảo đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, địa phương về môi trường hiện hành và các quy định pháp luật khác có liên quan trước khi xả thải ra môi trường, nhằm đảm bảo các hoạt động của dự án không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.

- Vận hành thường xuyên các trạm xử lý nước thải trong quá trình hoạt động, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải Y tế (Cột B, K= 1,2) trước khi xả ra môi trường, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải, phát sinh mùi gây ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực. Chỉ được phép xả nước thải sau xử lý với lưu lượng tối đa là 60m³/ngày đêm.

- Thực hiện nghiêm túc quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/4/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh về thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong quá trình thu gom nước thải của Dự án.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra, các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình hoạt động của Cơ sở. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực hoạt động của Dự án.

- Máy phát điện dự phòng phải đảm bảo sử dụng nhiên liệu là dầu DO phải là nhiên liệu sạch, đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của Dự án về Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí, Ủy ban nhân dân phường Quang Trung trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đảm bảo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó sự cố về môi trường trong quá trình vận hành dự án. Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động (nếu có), Chủ dự án đầu tư phải dừng ngay hoạt động hoặc giảm công suất của các công đoạn phát sinh chất thải và công trình xử lý chất

thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường và báo cáo kịp thời tới Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí, Ủy ban nhân dân phường Quang Trung để được hướng dẫn giải quyết theo quy định.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định hoặc đề xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

Chủ dự án chịu trách nhiệm toàn bộ về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ pháp lý gửi kèm hồ sơ đề xuất cấp giấy phép môi trường (chủ trương, quy hoạch, hồ sơ thiết kế...) của dự án; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.